



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171: Y N

EXIT VISA.#: _____

* WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER *
* REGISTRATION FORM *
* (Two Copies) *

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM Ng Thi Lan
Last Middle First

Current Address 44/3 Khóm 1 P4 Thị xã Bến Tre

Date of Birth 1951 Place of Birth UN

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/
FATHER)

Lâm Hoàng Mỹ

Previous Occupation (before 1975) 1st Lt
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 5/75 To DEATH DATE: 3/77

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

SAO Y BỆNH AN TỬ VONG

QUÂN KH 9

GIẤY BẢO TỬ

Số 122 /TV

R. 121

Họ tên LƯU HOANG MY tuổi 29
C ư n h à m CNV Quân Huân
E ư n v i Cục Xây dựng Rừng Tê' Quân Khu
C ư n q u ả n Thị xã Bàu Ông
I ư n t ư n v ợ hoặc c h a , m ẹ
I ư n p ư ả n
Ngày bị thương, bị bệnh 18.03.1977
C ư đ ầu d ư n t ớ i Xưởng 202 Đuôi

Ngày vào viện 19.18.3.1977 ngày chết 18.3.1977

Chẩn đoán lúc vào viện

- Độc tử bằng Chloroquine

Chẩn đoán cuối cùng

- Ngộ độc Chloroquine do tự tử

Chứng Ngộ độc Chloroquine do
3/n tự tử

Phương pháp điều trị Chở oxy

Hô hấp nhân tạo

Thở ngạt

Ý kiến hội chẩn lúc nguy kịch

Chết lúc 22 giờ 20' ngày 15.3.1977

Nguyên nhân chết

Ngộ độc Chloroquine do B/p

Tư vong

Lời di chúc

Như

Ý kiến viện trưởng Viện từ biệt tang cử

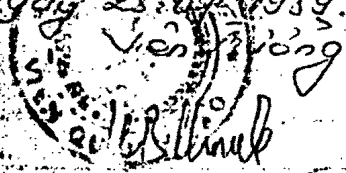
chức nhưng không qua cơn nguy

riek do nhiễm độc toàn thân

Ngày và địa điểm mai táng Văn Đồn Vi

Sơ y Đang tại Văn Đồn

Ngày 25.3.1977 Ngày 13 tháng 03 năm 1977



Thủ trưởng
Đỗ Rý

4. Phạm Văn Khu

Trung tá Đỗ Rý

QUÂN KHU 9

GIẤY BẢO TỬ

Số

TV

R 120

Họ tên LƯU HOANG MY tuổi 29
Quân hàm CNV - Quân Huân vụ
Đơn vị Cục Xây dựng Kinh Tế Quân Khu
Quê quán Thị xã Bàu C
Họ tên vợ hoặc cha, mẹ
Nhập ngũ
Ngày bị thương, bị bệnh 18.03.1977
Ở đâu đưa tới Xưởng 202 Đia Trì

Ngày vào viện 19.12.3.1977 ngày cắt 18.5.1977

- Cử tử bằng Chloroquine

Chẩn đoán cuối cùng

- Ngộ độc Chloroquine do bị tử

Biện chứng - Ngộ độc Chloroquine do
Bị tử

Phương pháp điều trị

Chế độ

thức ăn

Thời nghỉ

Ý kiến hội chẩn lúc nguy kịch

Chết lúc 22 giờ 20 ngày 15.3.1977

Nguyên nhân chết

Ngộ độc Chloroquine do b/c
tác dụng

Lời di chúc

Ý kiến viện trưởng

Văn Đức Việt Hùng cử

chức phòng phòng quản công an

không có phiên đặc trên thân

Ngày và địa điểm mai táng

Văn Đức Việt

Sao y bản này gửi

Ngày 25.3.1979 Ngày 19 tháng 03 năm 1977

Văn Đức Hùng

Thủ trưởng

Đỗ Rý

4. Phạm Văn Đức

Trung tá

Bến Tre city. September 5th 1989

Cổ. Khai danh dủ

Hình gọi: Bà KHUÊ MINH THO

- Kính nhờ bà cứu xét giúp đỡ
tranh đấu cho Trường hợp của tôi.

Hình thưa bà:

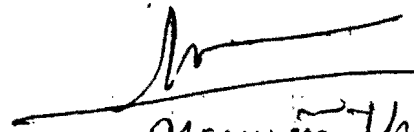
- Cô tên là: NGUYỄN THỊ LÂN. Sinh năm 1951
tại Chánh phủ tỉnh Bến Tre, địa chủ: số HK/3 Khóm 1
phường 4 Chi xã Bến Tre. Nghề nghiệp trước 30/4/75: Cho
hủy kế toán Tự Giáo Dục (sở học chánh) sau 30/4/75: Cho
may, vì là vợ sĩ quan chánh quyền cũ nên bị sa thải.
- chồng tôi tên ~~Đ~~ Lưu HOÀNG MỸ: sinh năm 1948
trước 30/4/75 là sĩ quan quân đội Việt Nam cộng hòa
tốt nghiệp trường đại học chiến tranh chính trị ĐÀ LẠT
khóa 2 năm 1971, cấp bậc sau cùng là Trung úy. Chức
vụ: Văn phòng Trưởng kiêm sĩ quan an ninh Tiểu đoàn
30 C.T.C.T. ở vùng 3 đóng tại Cà Mau Hiệp Biên Hòa. Sau
ngày 30/4/75 chồng tôi chạy về Bến Tre bình dân
ngày 03/05/75 và đi học tập cải tạo tại trại quản Huấn
Đường Mỹ (Mỏ cây Bến Tre). Toàn bộ tài sản ở Biên
Hoà bị tịch thu. Trong thời gian quản Huấn trại đưa
chồng tôi đi lao động khai phá miền hoang vu với
chỗ gài mìn, chồng gài ở trong căn ai Đông Tâm
(căn củ của MỸ để lại) để xây dựng làm hời đảo
tạo "nghĩa vụ quân sự" ngày nay. Rồi vì không chịu
đứng nổi nữa, chồng tôi uống cloroquine tự tử trong
trại Đông Tâm, trong đó cán bộ quản Huấn đưa vào
bệnh viện quân khu 9 cure & se và chết tại đó.
gia đình toàn bộ không hay biết gì cả, đến chừng
lời kỳ đi thăm nuôi, vào trại tôi mới hay chồng
tôi đã chết và không biết chôn nơi nào, rồi sau
đó nhờ người dân ở nghĩa địa địa chủ nên mới hay
và tôi lấy hài cốt về quê nhà Bến Tre chôn.

Khi viết tờ khai trong danh dủ này, tôi buồn
và khóc một mình, tuy viết ít mong Bà hiểu nhiều

nổi uân khước này. biết tỏ cùng ai, với lại tôi làm
sao tổng nói trong hoàn cảnh hiện tại tôi bị sa thân
khởi cố quan tâm việc, và bị cô lập địa phương,
và nhứt là cô lập tinh thần, nên tôi xin bà hiểu
thấu cho; một lần nữa tôi xin bà tranh đấu cho hoàn
cảnh khổ thân và đau khổ tâm cùng này để tôi
được cứu xét và tranh đấu cho tôi được định cư tại
Mỹ, đó là niềm hy vọng cuối cùng của đời tôi, tôi xin
đặt hết niềm tin nơi bà.

Thỉnh chào bà và thật lòng tri ân
thỉnh chúc bà đời dài sức khỏe và đạt được
mọi sự như ý.

Bến Tre ngày 3 tháng 9 năm 1989
Định


Nguyễn Thị Liên

Đính kèm:

- 1-02 giấy phép kết hôn quân đội (photo)
- 2-02 giấy báo tử ở Bệnh viện quân khu 9 (Mỹ Tho)
- 3-02 giấy xác nhận của Lữ Hoàng Thi CA Bến Tre cấp
- 4-02-question for ex political prisoner in V.N.

Địa chỉ liên lạc thủ tử và thông báo mọi sự việc

NGUYEN THI LAN

26/44/3. Nhóm 1. Phường 4. Thị xã Bến Tre
VIỆT NAM (South)

Bến Tre city. September 3th 1989

Cố KHAI DANH DŨ

Hình gởi bà: KHUẾ MINH THỎ

- Hình nhỏ bà gửi gút giúp đỡ tranh đấu cho
tương hợp của tôi.

Hình thừa bà:

Cô tên là: NGUYỄN THỊ LÂN. SINH NĂM: 1951 tại

Chanh phủ Bến Tre, địa chỉ: số 44/3 Khóm 1 phường
H. Chanh phủ Bến Tre. Nghề nghiệp trước 30/04/75: Chủ
tỷ kế toán Ty Giáo Dục (sở học chánh cũ) sau 30/04/75
chủ may, vì là vợ h. quan chánh quyền cũ nên bị
sa thải.

- chồng tôi tên: LƯU HOÀNG MỸ: sinh năm: 1948
trước 30/04/75 là h. quan quân đội Việt Nam Cộng Hòa cũ,
xét nghiệp trường Đại học Chiến tranh chính trị Đà Lạt,
khóa 2 năm 1971; cấp bậc sau cũng: là Trung úy, chức

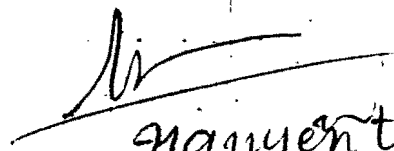
vụ: Văn phòng Trưởng hiem h. quan an ninh Tiểu Đoàn
30 C.T.C.T. Vùng 3 đóng tại Tam Hiệp Biên Hòa. Sau 30/04
75 chồng tôi về Bến Tre trình diện ngày 03/05/75 và
đi học tập cải tạo tại trại quân huấn Lưỡng Mỹ (Mô
cây Bến Tre. TUYÊN bố tài sản ở Biên Hòa bị tịch thu.
Trong thời gian quân huấn, trại của chồng tôi đi lao
động khai phá miền hoang vu với chổ gặt mìn, chôn
gài ở trung tâm củ Đồng Tâm (căn cứ của Mỹ để lại)
để xây dựng làm nơi đào tạo "nguyên vũ quân tử" ngày
nay). Rồi vì không chịu đựng nổi nữa, chồng tôi uống
chloroquine tử tử từng trại Đồng Tâm, ở đó căn bộ
quân huấn của vào bệnh viện quân khu 9 cục R
120 và chết tại đó, gia đình toàn bộ không hay biết
gì cả, đến chừng tôi bị đi thăm nuôi vào trại, tôi
mới hay chồng tôi đã chết và không biết chôn nơi nào,
rồi sau đó nhờ người dân ở nghĩa địa chỉ nên
mới hay và tôi lấy hài cốt về quê nhà Bến Tre chôn.

Khi viết tờ tự khai trong danh dự này, tôi
buồn và khóc một mình, tuy rằng viết ít mong bà

hiều nhiều, nỗi uân khúc này biết tỏ cũng ai, với
lại tôi làm sao sống nổi trong hoàn cảnh hiện
tại tôi bị sa thải khỏi cơ quan làm việc, và bị
cô lập địa phương, và nhất là cô lập tinh thần,
nên tôi xin bà hiểu thấu cho, một lần nữa
tôi xin bà tranh đấu cho hoàn cảnh khó
khăn và đau khổ tàn cũng này để tôi được
cứu xét và tranh đấu cho tôi được định cư
tại Mỹ; đó là niềm hy vọng cuối cùng của
đời tôi, tôi xin đặt hết niềm tin nơi bà.

Kính chào bà và thật lòng tri ân.
Kính chúc bà dồi dào sức khỏe và đạt được
mọi sự như ý.

Bến Tre ngày 3 tháng 9 năm 1989
Thỉnh


Nguyễn Thị Lân

Đính kèm:

1. 04 giấy phép kết hôn quân đội (photo)
2. 01 giấy báo tử ở bệnh viện quân khu 9 (Mỹ Tho)
3. 01 giấy xác nhận của Linh Hoàng Thọ CA Bến Tre cấp
4. 01 question for political prisoner in Vietnam

Địa chỉ liên lạc thư từ và thông báo mọi sự việc
NGUYỄN THỊ LÂN

hộ HH/3 Khóm 1 phường 4 đ. 9 cơ Bến Tre
VIỆT NAM (south)

QUESTION for expolitical prisoner in VIETNAM

I BASIC INFORMATION ON APPLICATION IN VIETNAM

1. FULL NAME for expolitical prisoner: LƯU HOÀNG MỸ
2. DATE and PLACE of BIRTH: 10-03-1948. city: AN HÒI quận: TRÚC GIANG
TỈNH KIÊN GIÒA. (PHƯỜNG 1 thị xã BẾN TRE)
3. POSITION RANK BEFORE: LIEUTENANT (1975), Security officer:
30th BATTALION of PSYWAR in 3rd MILITARY REGION (BIÊN HÒA)
4. DATE, MONTH YEAR OUT OF CAMP: DIED IN THE CAMP of ĐÔNG TÂM.
(MỸ THO city) in 1977.
5. DATE, MONTH, YEAR, ARRESTED: MAY 1st 1975 in BẾN TRE city (KIÊN GIÒA)
6. PRESENT MAILING ADDRESS: 44/3 KHóm 1 PHƯỜNG 4 THị xã BẾN TRE
7. CURRENT ADDRESS: (AS ABOVE)
8. TRAINING: 2nd PSYWAR ACADEMIE in DALAT city (1971)

II LIST FULL NAME DATE OF BIRTH AND PLACE OF BIRTH OF EXPOLITICAL PRISONER RELATIVES

NO	FULL NAME	DOB	PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP
1	LƯU HOÀNG MỸ	10-03-1948	BẾN TRE city	DIED 1977
2	NGUYỄN THỊ LÂN	18-06-1951	"	WIFE
3	LƯU NGUYỄN LOAN PHƯƠNG	22-12-1971	"	DAUGHTER
4	NGUYỄN VĂN LAI	1927	"	FATHER IN LAW
5	TRẦN THỊ CHEN	1927	"	MOTHER IN LAW

A RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EXPOLITICAL PRISONER TO BE
CONSISTED for U.S. COMPANY

NO	FULL NAME	DOB	PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP
1	NGUYỄN THỊ LÂN	JUNE 18 th 1951	BẾN TRE city	WIFE
2	LƯU NGUYỄN LOAN PHƯƠNG	DEC - 22 nd 1971	"	DAUGHTER
3	NGUYỄN VĂN LAI	1927	"	FATHER IN LAW
4	TRẦN THỊ CHEN	1927	"	MOTHER IN LAW

B COMPOSE FAMILY LISTING (LIVING - DEAD) of EXPOLITICAL PRISONER

1. FATHER: LƯU CHANH (LIVING). Birth day: 1925. place: BẾN TRE city
address: 42 PHAN NGỌC TÔNG PHƯỜNG 4 BẾN TRE city
2. MOTHER: PHAN THỊ THẢO: dead

3 - BROTHER: LƯU HOÀNG THẢO: 1950, NURSE. PLACE: BENTRE city

ADDRESS: 42 PHAN NGOC TÔNG PHƯỜNG 2 BENTRE city

4 - LƯU ANH DŨNG: 1953 DEAD EX N.C.O. 18th DIVISION 1972.

5 - LƯU ANH ĐÀO: 1955 PLACE: BENTRE city

ADDRESS: 42 PHAN NGOC TÔNG PHƯỜNG 2 BENTRE city

6 - LƯU ANH TUẤN: 1957 PLACE: BENTRE city

ADDRESS:

7 - LƯU NGỌC TÚ: 1959 PLACE: BENTRE city ADDRESS: BENTRE city

II RELATIVES OUT SIDE:

A: CLOSE RELATIVE, IN THE U.S.

- LƯU ANH TUẤN: BIRTH YEAR 1957 PLACE: BENTRE city

ADDRESS:

B - CLOSE RELATIVE IN THE OTHER COUNTRY

- NGUYỄN AN KHƯỜNG: BIRTH YEAR: 1952 PLACE: BENTRE city

ADDRESS: 49 WILSON STR YARRA VILLE MELBOURN 3013 AUSTRALIA

(BROTHER IN LAW)

• NGUYỄN PHÚ LỘC: BIRTH YEAR: 1956. PLACE: BENTRE city

ADDRESS: (AS ABOVE NGUYỄN AN KHƯỜNG)

(BROTHER IN LAW)

IV HAVE YOU

NONE

V COMMENT and REMARK

ON behalf of my dead husband, I would like to apply for a possibility to be relocated in the U.S.A. with my parent and only daughter. AS widow of an ARVN ex officer, I find myself unable to earn my life.

Bentre city septem. 3th 1989

Nguyễn Thị Lân

QUESTION: for EPOLITICAL PRISONER IN VIETNAM.

I BASIC INFORMATION ON APPLICATION IN VIETNAM.

1. FULL NAME for EXPOLITICAL PRISONER: LƯU HOÀNG MỸ
2. DATE and PLACE of BIRTH: 10-03-1948, city: AN HÒI QUẬN:
TRÚC GIANG TỈNH KIẾN HOÀ (PHƯỜNG 1 THỊ XÃ BẾN TRE)
3. POSITION & RANK BEFORE: LIEUTENANT (1975) Security officer;
30th BATTALION of PSYWAR in 3rd MILITARY REGION (BIÊN HOÀ)
4. DATE, MONTH, YEAR OUT OF CAMP: DIED IN THE CAMP OF ĐÔNG TÂM
(MỸ THO) city in 1977
5. DATE, MONTH, YEAR, ARRESTED: MAY 1st 1975 in BẾN TRE city (KIẾN HOÀ)
6. PRESENT MAILING ADDRESS: 44/3 KHóm 1 PHƯỜNG 1 THỊ XÃ BẾN TRE
7. CURRENT ADDRESS: (AS ABOVE)
8. TRAINING: 2nd PSYWAR ACADEMIE in DALAT city (1971)

II - LIST FULL NAME DATE of BIRTH AND PLACE of BIRTH of EXPOLITICAL PRISONER RELATIVES.

NO.	FULL NAME	DOB	PLACE of BIRTH	RELATIONSHIP
1	LƯU HOÀNG - MỸ	10-03- 1948	Bentre city	DIED 1977
2	NGUYỄN THỊ LÂN	18-06-1951	"	WIFE
3	LƯU NGUYỄN LOAN PHƯỢNG	22-12-1971	"	DAUGHTER
4	NGUYỄN VĂN LẠI	1927	"	FATHER in LAW
5	TRẦN THỊ CHEN	1927	"	MOTHER in LAW

A - RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EXPOLITICAL PRISONER TO BE
CONSISTED for U.S. COMPANY.

NO.	FULL NAME	DOB	PLACE of BIRTH	RELATIONSHIP
1	NGUYỄN THỊ LÂN	JUNE 18 th 1951	Bentre city	WIFE
2	LƯU NGUYỄN LOAN PHƯỢNG	DEC - 22 nd 1971	"	DAUGHTER
3	NGUYỄN VĂN LẠI	1927	"	FATHER in LAW
4	TRẦN THỊ CHEN	1927	"	MOTHER in LAW

B - COMPOSE FAMILY LISTING (LIVING - DEAD) of EXPOLITICAL PRISONER

1. FATHER: LƯU CHANH (LIVING) BIRTH DAY: 1925 PLACE: BẾN TRE city
ADDRESS: 42 PHAN NGỌC TÔNG PHƯỜNG 2 BẾN TRE city
2. MOTHER: PHAN THỊ THẢO: Died

- 3 - BROTHER : LƯU HOÀNG THỎ : 1950 NURSE place : Bentre city . ADDRESS : 42 PHAN NGOC TONG PHUONG 2 Bentre city .
4 - LƯU ANH DUNG : 1953 Died ex. N.C.O 18th DIVISION 1972
5 - LƯU ANH ĐÀO : 1955 PLACE : Bentre city
ADDRESS : 42 PHAN NGOC TONG PHUONG 2 Bentre city .
6 - LƯU ANH TUẤN : 1957 PLACE : Bentre city .
ADDRESS :

8 - LƯU NGOC TUI : 1959 : place : Bentre city : ADDRESS : Bentre city
III RELATIVES OUT SIDE :

A : CLOSE RELATIVE in THE U.S .

- LƯU ANH TUẤN : BIRTH YEAR 1957 place : Bentre city .
ADDRESS 2 # 851 . S. CLOVERDALE ST SEATTLE WA . 98108 . U.S.A .

B . CLOSE RELATIVE in THE OTHER COUNTRY

NGUYỄN AN KHUÔNG : BIRTH YEAR : 1952 place . Bentre city .
ADDRESS : 45 . WILSON ST YARRAVILLE MELBOURN 3013 AUSTRALIA .

(BROTHER in LAW)

NGUYỄN PHÚ LỘC : BIRTH YEAR : 1956 place : Bentre city .

ADDRESS : (as ABOVE NGUYỄN AN KHUÔNG)
(BROTHER in LAW)

IV : HAVE YOU : NONE

V COMMENT and REMARK .

On behalf of my dead husband , I would like to apply for a possibility to be relocated in the U.S.A . With my parent and only daughter . As widow of an ARVN ex officer . I find myself unable to earn my life .

Bentre city Septem- 3th 1989


Nguyễn Thị Lan

PHÁP

(Huấn-thị 62)

ÉT HÔN

(7)

PHẦN I. ĐƠN XIN KẾT HÔN

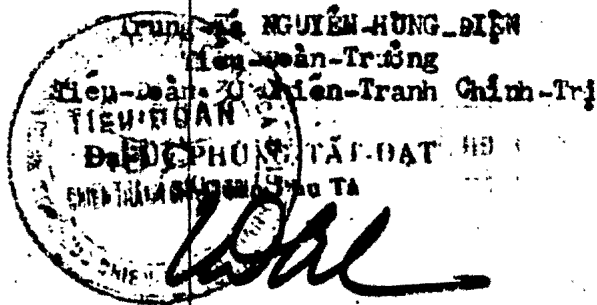
1 - Họ tên Quân nhân xin kết hôn : LƯU HOÀNG HI		2 - Cấp bậc : Thiếu-úy H.D.	3 - Số-quân : 68/141.951
4 - Ngày sinh : 10.03.1948	5 - Gia-cảnh : Độc thân	6 - Thành phần QLVNCH CLQ ☒ DPQ ☐	7 - Đơn-vị : Tiểu-Đoàn Chiến-Tranh Chính-
8 - Họ tên vợ hôn thê (hoặc hôn phu) NGUYỄN-THỊ-LÂN		9 - Nghề-nghiệp : Học Sinh	
10 - Ngày sinh : 18.06.1951	11 - Gia-cảnh : Độc thân	12 - Địa-chỉ : LQ. 44/3 Ấp 7 Châu-Thành Quận Trú-Dương Xã An-Hội, Kiên-Hòa	
13 - Họ tên cha vợ hôn thê (hoặc hôn phu) : NGUYỄN-VĂN-LAI		14 - Họ tên mẹ vợ hôn thê (hoặc hôn phu) : TRẦN-THỊ-CHIÊN	
15 - CAM KẾT : Tôi xin cam-kết hoàn-toàn chịu trách-nhiệm trong trường-hợp người phối-ngẫu của tôi là cô (NGUYỄN-THỊ-LÂN) NGUYỄN - THỊ - LÂN trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt-động phương-hại đồn nền an-ninh Quốc-gia hay hành những nghề có thể làm tổn-thương đến danh-dự của QLVNCH. (Điều 191 Sắc luật số 13/CT/LDQGQL/SL ngày 20-10-64 bắt buộc vợ người Quân-nhân rời từ bỏ nghề của mình nếu nghề này xét có phương hại cho thanh danh của Quân-đội). Làm tại KBC 4773 ngày 17.05.1971			
16 - Nơi nhận CHT. KBC 4002/TXT		18 - Chữ ký của Quân-nhân xin kết hôn :	

PHẦN II. QUYẾT ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC CÓ THẨM QUYỀN

Giấy phép kết hôn số : 7447		ngày 5 JUN. 1971	
20 - QUYẾT-ĐỊNH CỦA CẤP CHỈ HUY HỮU-QUYỀN : Chấp-thuận đơn xin trên đây và lưu-ý quân-nhân được cấp-phép-kết-hôn : Kinh • Giấy phép kết hôn này chỉ có giá trị trong phạm vi QLVNCH. • Ngoài những hình-phạt vô quân-kỷ, quân-nhân còn có thể bị truy-tố trước pháp-luật nếu vi phạm luật Gia-đình (Sắc-luật số : 15/64 ngày 23-7-1964).			
21 - Cấp-bậc, Họ tên, Chức-vụ và chữ ký của giới chức cấp phép kết hôn. QUÂN-NHÂN - Thiếu-úy H.D. 0/CTGT. KBC.4778 - Tu h/s và t/l cho đường-s. - Tu h/s và t/l cho đường-s. - Tu h/s và t/l cho đường-s. - Kên h/s do-d/t vị hôn thê Lưu.		Thiếu-Tướng CAO-VĂN-VIÊN Tổng-Tham-Tư-Lệnh QLVNCH. Trung-Tướng NGUYỄN-VĂN-AM Tham-Tư-Trưởng Bộ T.T.M (ấn ký)	

• SÁCH Y CHÁNH BẢN •

KHO. 1971, ngày 20 tháng 7 năm 1971



PH

(Huấn-thị 6:

ET H

(7)

PHẦN I. ĐƠN XIN KẾT HÔN

1 - Họ tên Quân nhân xin kết hôn : LƯU HOÀNG-KY		2 - Cấp bậc : Thiếu-Úy H.D.	3 - Số-quân : 68/141.951
4 - Ngày sinh : 10.03.1948	5 - Gia-cảnh : Độc thân	6 - Thành phần QLVNCH CLQ ☒ ĐPQ ☐	7 - Đơn-vị : Tiểu-Đoàn 30 Chiến-Tranh Chính-
8 - Họ tên vợ hôn thê (hoặc hôn phu) NGUYỄN-THỊ-LÂN		9 - Nghề-nghiệp : Học Sinh	
10 - Ngày sinh : 18.06.1951	11 - Gia-cảnh : Độc thân	12 - Địa-chỉ : LQ. 44/3 Ấp 7 Châu-Thành Quận Trục-Giang Xã An-Hoại, Kiên-Hòa	
13 - Họ tên cha vợ hôn thê (hoặc hôn phu) : NGUYỄN-VĂN-LAI		14 - Họ tên mẹ vợ hôn thê (hoặc hôn phu) : TRẦN-THỊ-CHUYÊN	
15 - CAM KẾT : Tôi xin cam-kết hoàn-toàn chịu trách-nhiệm trong trường-hợp người phối-ngẫu của tôi là Cô (NGUYỄN-KIM) NGUYỄN - THỊ - LÂN trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt-động phương-hại đến nền an-ninh Quốc-gia hay hành những nghề có thể làm tổn-thương đến danh-dự của QLVNCH. (Điều 191 Sắc luật số 13/CT/LDQGQL/SL ngày 20-10-64 bắt buộc vợ người Quân-nhân rã từ bỏ nghề của mình nếu nghề này xét có phương hại cho thanh danh của Quân-đội).			
Làm tại KBC 4773 ngày 17.05.1971		18 - Chữ ký của Quân-nhân xin kết hôn :	
Nơi nhận CHT. KBC 4002/TYT			

PHẦN II. QUYẾT ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC CÓ THẨM QUYỀN

Giấy phép kết hôn số : 7447		ngày 5 JUN. 1971	
20 - QUYẾT-ĐỊNH CỦA CẤP CHỈ HUY HỮU-QUYỀN : Chấp-thuận đơn xin trên đây và lưu-ý quân-nhân được cấp phép kết hôn. - Giấy phép kết hôn này chỉ có giá trị trong phạm vi QLVNCH. - Ngoài những hình-phạt vô quân-kỷ, quân-nhân còn có thể bị truy-tố trước pháp-luật nếu vi phạm luật Gia-đình (Sắc-luật số : 15/64 ngày 23-7-1964).			
21 - Cấp-bác, Họ tên, Chức-vụ và chữ ký của giới chức cấp phép kết hôn. QUÂN-NHÂN Ông ĐO/CTBT. KBC.4778 tu t/s và t/l che đường-số ĐO/TMBCR/SQ/LQ. ĐO/ĐP/Kiên-Hòa Kèm t/s do-d/t vị hôn thê Lưu.		Thượng-Tướng CAO-VĂN-VIÊN Tổng-Tham-Mưu-Trưởng Q.L.V.N.C.H. Trung-Tướng NGUYỄN-VĂN-AM Tham-Mưu-Trưởng Bộ T.T.M (ấn ký)	

PHƯƠNG NGƯỜI THƯƠNG LẠI T. HỌ

STT	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CHND	Nghề nghiệp nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nội trú thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên của bộ ĐKKK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Nguyễn Thị Lan	Con	Nữ	1951	82.00.4515	...	10-10-1976		
02	Nguyễn Thị Lan	Con	Nữ	1951			10-10-1976		
03	Nguyễn Thị Lan	Con	Nữ	1954			10-10-1976		
04	Nguyễn Thị Lan	Con	Nữ	1953			10-10-1976		(Nguyễn Thị Lan)
05	Nguyễn Thị Lan	Con	Nữ	1978			10-10-1976		(Nguyễn Thị Lan)
06	Nguyễn Thị Lan	Con	Nữ	1927			10-10-1976		
07	Nguyễn Thị Lan	Con	Nữ	1927			10-10-1976		
08	Nguyễn Thị Lan	Con	Nữ	1916			10-10-1976		

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở : _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở : _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở : _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở : _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NGUỒN THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ TỈNH BẾN TRE

Số 004666 ON

Họ và tên chủ hộ : NGUYỄN THỊ LÂN

Số nhà : 4m/1 Ngõ : thị trấn Quận : phước

Đường phố, ấp : 2

Thị trấn, phường, xã : phước

Huyện, thị xã : phước

Ngày 25 tháng 4 năm 1975

Trưởng công an phước

Tập số _____

Trang số _____

NHUNG NGUOI THƯƠNG LAM TI HỌ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm căng kị năm khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên của bộ ĐKKK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Nguyễn Thị Liên	Con gái	Nữ	1954	32.000.000.000	Chợ gạo	10-10-1976		
02	Nguyễn Thị Liên	Con gái	Nữ	1944			10-10-1976		
03	Bà Nguyễn Thị		Nam	1934			10-10-1976		
04	Nguyễn Thị Liên		Nữ	1953			10-10-1977		Nguyễn Thị
05	Nguyễn Thị Liên		Nữ	1978			10-10-1977		Nguyễn Thị
06	Nguyễn Thị Liên	Con	Nam	1927			10-01-81		
07	Nguyễn Thị Liên	Con	Nữ	1927			10-01-81		
08	Nguyễn Thị Liên	Con	Nam	1956			10-03-81		

THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁI HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở : _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở : _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở : _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở : _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

Ký tên, đóng dấu

NGƯỜI THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

TỈNH BẾN TRE

SS.004666 CV

Họ và tên chủ hộ : NGUYỄN THỊ LÂN

Số nhà : 44/3 Ngõ 100/1

Đường phố, ấp : Đường 100

Thị trấn, phường, xã : Thị trấn

Huyện, thị xã : Huyện

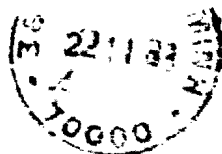
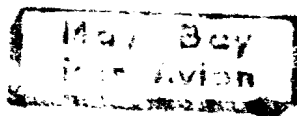
Ngày _____ tháng _____ năm _____

Trưởng công an _____

Tập số _____

Trang số _____

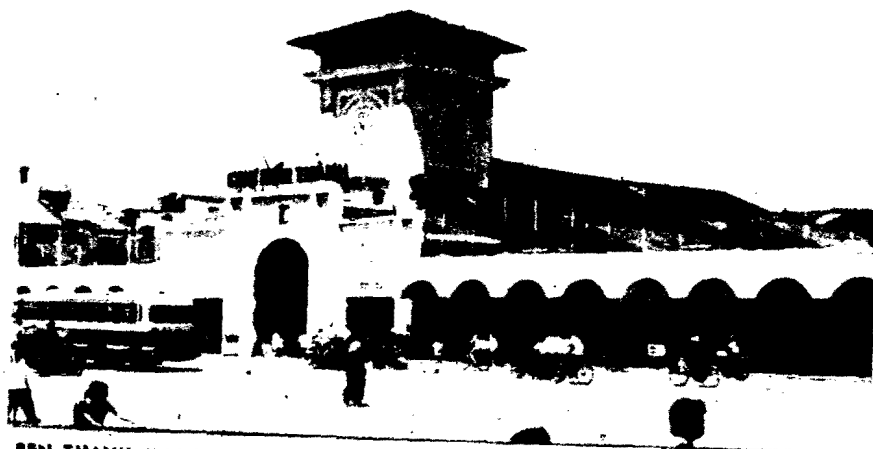
AIR MAIL



TO Miss: Thúc Minh Ch 3
P.O. Box. 5435
ARLINGTON VA. 22205 - 0635
U.S.A

COUNTRY OF DESTINATION _____

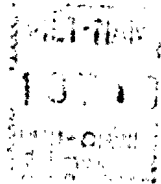




BEN THANH MARKET (HO CHI MINH CITY)

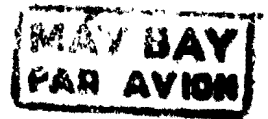
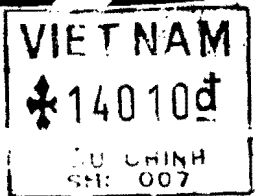
• DO NOT WRITE IN THIS AREA •

FROM NGUYỄN THỊ LÂN : số HH/3 Khóm
4 phường 4. thị xã Bến Tre
Việt Nam



R

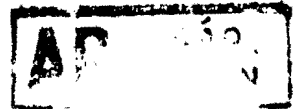
NO 7



DEC 07 1989

Phu Minh. Old
P.O. BOX. 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

U.S.A



PAR AVION VIA AIR MAIL

4792 13710 + 14010

hồ. thị - Lân. số 44/3 nhóm 1 phường 4.
thị xã Bến Tre
VNam

Kassington 23/9/90.

Anh (chị) Thế Kính.

Đầu thư em kính chúc Gia đình Anh (chị) và gia quyến được dồi dào phúc lộc và an bình. Tay chân tay quỳ nài cầu Chúa Jesus Christ -

Em tự giới thiệu - Em là em ruột chị Lân - Em chưa từng biết Anh (chị) là bao hay là gì của chị em từ trước, nay em vì hoàn cảnh sống của người chị mình nên em mạo muội viết thư này để có vài lời thăm hỏi anh (chị) -

Em kính mừng rằng anh chị gần gũi ít thì giờ để lo thủ tục hồ sơ của chị em em theo diện nhập cư Mỹ H.O. Em thì không biết ra sao - nay chị ấy nhờ em hỏi thăm anh (chị) thì em ghi để anh (chị) lo giúp chị ấy cái L.O.I gì đó và nộp hồ sơ của chị.

Ây giùm - Nếu sau này về quê
em muốn có kết quả mỹ mãn thì
hãy cùng chị quen ông An (chị)

Và em hãy nói rõ là về quê kiếm
phí tiền về nuôi về em anh (chị) giúp
đó em sẽ hoàn trả lại cho anh (chị)
tất cả nên anh (chị) cho em biết

Em có số Phone - Anh (chị) cái
phone theo số Repaid (Bên úc
em sẽ trả) để cho em biết từ từ
nhé! Có tiền Charges gọi phone anh
(chị) cái cho em biết để em hoàn
trả lại - Nếu sao được về quê thì
thôi. Em xin thật lòng cảm ơn
anh (chị)

Em

/oc

QUÂN KHU 9

GIẤY BẢO TỬ SỐ /TV

Viên 120

Họ tên Quần Hoàng Mỹ tuổi 29

Quân hàm _____ chức vụ _____

Đơn vị Đại quân huấn

Quê quán Thị xã Bến Tre

Họ tên vợ hoặc cha mẹ _____

Nhập ngũ _____

Ngày bị thương, bị bệnh 18-3-1977

Ở đâu đưa tới _____

Được xây dựng Kim b. t. q. năm 1977

Ngày vào viện 18-3-1977 ngày chết 18-3-1977

Căn đoán lúc vào viện _____

Tử h. bằng Chloroquine

Chẩn đoán cuối cùng _____

Ngo. t. Chloroquine do bị h. t.

Biến chứng _____

Ngo. t. Chloroquine do bị h. t.

Phương pháp điều trị

Glucose oxy

Không hấp nhân tạo

Tần thở gấp

Ý kiến hội chẩn lúc nguy kịch

Chết lúc 22 giờ 20' ngày 18-3-1977

Nguyên nhân chết

Ngo tác fulminant do bệnh
trí não

Lời di chúc

Không

Ý kiến viện trưởng

Viện đã hội đồng cùng các
bộ phận không quá 10 ngày kể từ khi
đi khám bệnh

Ngày và địa điểm mai táng

Về thăm viếng mai táng

Sắc lệnh ngày 28 tháng 5 năm 1976

Phụ tá trưởng



TRUNG TÂM CHỮA TRỊ BỆNH CHẨN

QUÂN KHU 9

GIẤY BẢO TỬ Số _____/TV

Viện 120

Họ tên Quần hương Mỹ tuổi 27

Quân hàm _____ chức vụ _____

Đơn vị Đại quân huấn

Quê quán thị xã Bến Tre

Họ tên vợ hoặc cha, mẹ _____

Nhập ngũ _____

Ngày bị thương, bị bệnh 18-3-1977

Ở đâu đưa tới _____

Cục xây dựng công tác quân khu

Ngày vào viện 18-3-1977 ngày chết 18-3-1977

Chẩn đoán lúc vào viện _____

Tử tử bằng chloroquin

Chẩn đoán cuối cùng _____

Ngoi tử chloroquin do tử tử

Biến chứng _____

Ngoi tử chloroquin do tử tử

Phương pháp điều trị

Glucose oxy

Không hấp nhân tạo

Thở máy

Ý kiến hội chẩn lúc nguy kịch

Chết lúc 22 giờ 20' ngày 18-3-1977

Nguyên nhân chết

Ngộ độc phenolopne do tẩm
trị bỏng

Lời di chúc

Không

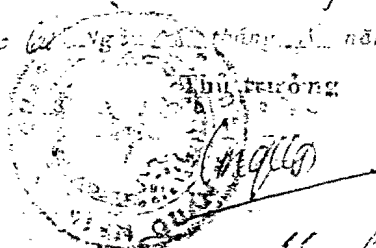
Ý kiến viện trưởng: Việc đặt hộp tang cần thuận
nhưng không quá 2 ngày kể từ khi
đến tang lễ

Ngày và địa điểm mai táng

Về thăm viếng mai táng

Sau 10 ngày kể từ ngày 18-3-1977

Thủ trưởng



TRUNG TÂM Chống Bỏng Nhiệt

PH

(Huân-thi 6)

ET HON

(7)

PHẦN I. ĐƠN XIN KẾT HÔN

1 - Họ tên Quân nhân xin kết hôn : LƯU HOÀNG AN		2 - Cấp bậc : Thiếu-Úy H.D.	3 - Số-quân : 68/141.951
4 - Ngày sinh : 10.03.1948	5 - Gia-cảnh : Độc thân	6 - Thành phần QLVNCH CLQ ☒ ĐPQ ☐	7 - Đơn-vị : Tiểu-Đoàn 30 Chiến-Tranh Chính-Trị
8 - Họ tên vợ hôn thê (hoặc hôn phu) NGUYỄN-THỊ-LÂN		9 - Nghề-nghiep : Học Sinh	
10 - Ngày sinh : 18.06.1951	11 - Gia-cảnh : Độc thân	12 - Địa-chỉ : LQ. 44/3 Ấp 7 Châu-Thành Quận Trảng-Bàng Xã An-Hội, Kiến-Hòa	
13 - Họ tên cha vợ hôn thê (hoặc hôn phu) : NGUYỄN-VĂN-LAI		14 - Họ tên mẹ vợ hôn thê (hoặc hôn phu) : TRẦN-THỊ-CHIÊN	

15 - CAM KẾT :

Tôi xin cam-kết hoàn-toàn chịu trách-nhiệm trong trường-hợp người phối-ngẫu của Tôi là Cô (~~NGUYỄN-THỊ-LÂN~~) **NGUYỄN - THỊ - LÂN** trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt-động phương-hại đến nền an-ninh Quốc-gia hay hành những nghề có thể làm tổn-thương đến danh-dự của QLVNCH.

(Điều 191 Sắc luật số 18/CT/LDQGQL/SL ngày 20-10-64 bắt buộc vợ người Quân-nhân phải từ bỏ nghề của mình nếu nghề này xét có phương hại cho thanh danh của Quân-đội).

Đã làm tại KBC 4778 ngày 17.05.1971

18 - Chữ ký của Quân-nhân xin kết hôn :

17 - Nơi nhận CHT. KBC 4002/TQT

PHẦN II. QUYẾT ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC CÓ THẨM QUYỀN

Giấy phép kết hôn số : 7447 ngày 5 JUN. 1971

20 - QUYẾT ĐỊNH CỦA CẤP CHỈ HUY HỮU - QUYỀN :

Chấp-thuận đơn xin trên đây và lưu-ý quân-nhân được cấp-phép kết hôn (theo)

- Giấy phép kết hôn này chỉ có giá trị trong phạm vi QLVNCH.
- Ngoài những hình-phạt vô quân-kỷ, quân-nhân còn có thể bị truy-tố trước pháp-luật nếu vi phạm luật Gia-đình (Sắc-luật số : 15/64 ngày 23-7-1964).

21 - Cấp-bậc, Họ tên, Chức-vụ và chữ ký của giới chức cấp phép kết hôn.

HỘI-NHÂN :

T.Đ. An 30/CTQT. KBC. 4/778

Đ. tư t/s và t/đ cho đương-số

Đ. t/đ/TTHSCH/S.1/LQ.

Đ. t/đ/ĐP/Kiến-Hòa

Đ. t/đ/s do-đ/t vị hôn thê

Lưu.

T.Đ. Đại-Tướng CAO-VĂN-VIÊN

Ton. Tham-Hưu-Trưởng Q.L.V.N.C.H.

Trung-Tướng NGUYỄN-VĂN-HẠNH

Tham-Hưu-Trưởng Bộ T.T.M

(ấn ký)

• SÁO I. CẢNH BÀN •

KBC. 4778, ngày 20 tháng 7 năm 1971

TRUNG T. NGUYỄN HỮNG DIỆN
Tiền Đoàn-Trưởng
Tiền Đoàn-Trưởng Chính-T.1
TIỀN ĐOÀN
Đ. B. PH. H. T. T. T. T.
CH. H. H. H. H. H. H. H.

[Handwritten signature]

PHẦN I. ĐƠN XIN KẾT HÔN

1 - Họ tên Quân nhân xin kết hôn : LƯU HOÀNG LÂN		2 - Cấp bậc : Thiếu-Úy H.D.	3 - Số-quân : 68/141.951
4 - Ngày sinh : 10.03.1948	5 - Gia-cảnh : Độc thân	6 - Thành phần QLVNCH CLQ ☒ ĐPQ ☐	7 - Đơn-vị : Tiểu-Đoàn 30 Chiến-Tranh Chính-Trị
8 - Họ tên vị hôn thê (hoặc hôn phu) NGUYỄN-THỊ-LÂN		9 - Nghề-nghiep : Học Sinh	
10 - Ngày sinh : 18.06.1951	11 - Gia-cảnh : Độc thân	12 - Địa-chỉ : LQ. 14/3 Ấp 7 Châu-Thành Quận Trúc-Dương Xã An-Hoại, Kiên-Hòa	
13 - Họ tên cha vị hôn thê (hoặc hôn phu) : NGUYỄN-VĂN-LAI		14 - Họ tên mẹ vị hôn thê (hoặc hôn phu) : TRẦN-THỊ-CHIÊN	

15 - CAM KẾT :

Tôi xin cam-kết hoàn-toàn chịu trách-nhiệm trong trường-hợp người phối-ngẫu của Tôi là Cô (~~NGUYỄN-THỊ-LÂN~~) **NGUYỄN - THỊ - LÂN** trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt-động phương-hại đến nền an-ninh Quốc-gia hay hành những nghề có thể làm tổn-thương đến danh-dự của QLVNCH.

(Điều 191 Sắc luật số 13/CT/LĐQGGQ/SL ngày 20-10-64 bắt buộc vợ người Quân-nhân phải từ bỏ nghề của mình nếu nghề này xét có phương hại cho thanh danh của Quân-đội).

Làm tại KBC 4778 ngày 17.05.1971

18 - Chữ ký của Quân-nhân xin kết hôn :

17 - Nơi nhận CHT. KBC 4002/TQT

PHẦN II. QUYẾT ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC CÓ THẨM QUYỀN

Giấy phép kết hôn số : 7447

ngày 5 JUN. 1971

20 - QUYẾT-ĐỊNH CỦA CẤP CHỈ HUY HỮU - QUYỀN :

Chấp-thuận đơn xin trên đây và lưu-ý quân-nhân được cấp phép kết hôn.

- Giấy phép kết hôn này chỉ có giá trị trong phạm vi QLVNCH.
- Ngoài những hình-phạt về quân-kỷ, quân-nhân còn có thể bị truy-tố trước pháp-luật nếu vi phạm luật Gia-đình (Sắc-luật số : 15/64 ngày 23-7-1964).

21 - Cấp-bác, Họ tên, Chức-vụ và chữ ký của giới chức cấp phép kết hôn.

NGƯỜI-NHẬN

Thị trấn 30/CTCT. KBC. 4778

Đã tu h/s và t/l cho đương-s.

Đã ký TQT/THSCN/SQ/QLQ.

TĐO/ĐP/Kiên-Hòa

Đã ký h/s do-d/t vị hôn thê

Lưu.

T. Đại-Tướng CAO-VĂN-VIÊN

Tổng-Tham-Mưu-Trưởng Q.L.V.N.C.H.

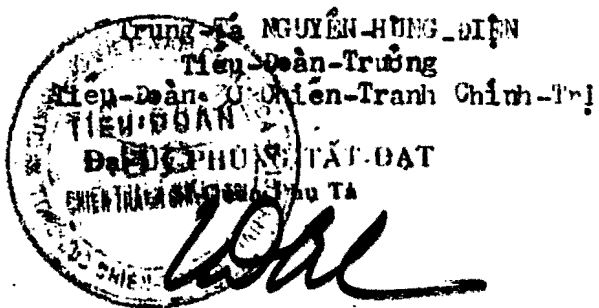
Trung-Tướng NGUYỄN-VĂN-MẠNH

Tham-Mưu-Trưởng Bộ T.T.M

(ấn ký)

• SAO Y CHÍNH BẢN •

KBC. 4778, ngày 20 tháng 7 năm 1971



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Kiến-Hòa

QUẬN

XÃ Phát-Triển An-Hội

SỐ HIỆU 350

*

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 21 tháng 02 năm 19 74

Tên họ đứa trẻ LƯU NGUYỄN NHƯT PHƯƠNG

Còn trai hay còn gái Con

Ngày sinh Mười sáu, tháng hai năm 1974

Nơi sinh An-Hội Kiến-Hòa

Tên họ người cha Lưu-Liên-Ng-17

Tên họ người mẹ Nguyễn-Thị-Lên

Vợ chánh hay thông có hôn thú Vợ-0' 0m

Tên họ người đứng khai Nguyễn-Văn-Lợi

TRÍCH LỤC Ý BẢN CHÍNH

An-Hội ngày 21 tháng 02 năm 19 74

Xa Trưởng kiêm Ủy Viên Hộ - tịch

GUY-VĂN-YANG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Kiến-Hòa

QUẬN _____

XÃ Phát-Triển An-Hội

SỐ HIỆU 310

*

TRÍCH LỤC LỘ KHAI SINH

Lập ngày 21 tháng 02 năm 19 74

Tên họ đứa trẻ: LƯU NGUYỄN NHƯT HƯNG

Con trai hay con gái: nam

Ngày sinh: thứ sáu, tháng hai năm 1974

Nơi sinh: An-Hội Kiến-Hòa

Tên họ người cha: Lưu-Hồng-Kỷ

Tên họ người mẹ: Nguyễn-Thị-Tân

Vợ chánh hay không có hòa thú: Vợ-Uống

Tên họ người đứng khai: Hou-An-Văn-Lai

TRÍCH LỤC Ý BẢN CHÍNH

An-Hội ngày 21 tháng 02 năm 19 74

Xã Trưởng kiêm Ủy Viên Hộ - tịch

HU-VĂN-TRUYỀN

KHAI-SANH

Số hiệu: 5

Tên, họ ấu-nhi NGUYỄN VĂN THỊ - LÂN

Phái: (Nam hay nữ) Nữ

Sanh: Ngày mười bốn, tháng sáu, năm một nghìn chín trăm năm mươi mốt.

(Ngày, tháng, năm)

Tại: Xã Thạnh-Phước (Đồn-Tro)

Cha: NGUYỄN VĂN THẠCH

(Tên, họ)

Tuổi: 10

Nghề: Học trò

Cư-trú tại: Xã Thạnh-Phước (Đồn-Tro)

K.ý: NGUYỄN VĂN THẠCH

(Tên, họ)

Tuổi: 35

Nghề: Học trò

Cư-trú tại: Xã Thạnh-Phước (Đồn-Tro)

Vợ: NGUYỄN VĂN THỊ

(Chánh hay thứ)

Người khai: NGUYỄN VĂN THẠCH

(Tên, họ)

Tuổi: 35

Nghề: Học trò

Cư-trú tại: Xã Thạnh-Phước (Đồn-Tro)

Ngày khai: 10/6/51

Người chứng thứ nhất: NGUYỄN VĂN THẠCH

(Tên, họ)

Tuổi: 35

Nghề: Học trò

Cư-trú tại: Xã Thạnh-Phước (Đồn-Tro)

Người chứng thứ nhì: NGUYỄN VĂN THẠCH

(Tên, họ)

Tuổi: 35

Nghề: Học trò

Cư-trú tại: Xã Thạnh-Phước (Đồn-Tro)

U A O - Y

Bản chính bộ-đổi năm 1951
đặt tại văn-phòng xã.

THÀNH-PHÚC, ngày 1-4-1969
TUN. CHỦ-TỊCH HUYỆN, K.ý, 
Phan Văn Thạch/K.ý.



NGUYỄN VĂN THẠCH

Lập tại xã Thạnh-Phước ngày 10 tháng 6 năm 1951

Người khai

Hộ lại,

Chánh-Lực-Bộ

Nhân chứng:

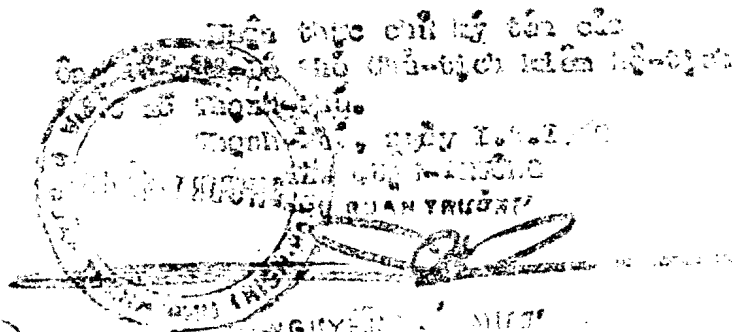
Xã-Trưởng,
Tống-thành-Lân,

Nguyễn-văn-Thị
(Ký tên)

(Ký tên)
Tống-thành-Lân.

Người chứng thứ nhất,

Nguyễn-thị-Bắc (Ký)



Người chứng thứ nhì,

Nguyễn-thị-Bắc (Ký)

KHAI-SANH

Số hiệu: 5

Đã chính bộ-cải năm 1951
Đã tại văn-phòng xã.
THÀNH-ĐỒ, ngày 1-4-1969
TƯ. CH. LỊCH. Đ. B. H. H.
Ph. L. H. H. H. H. H.
V. H. H. H. H. H.

Tên, họ ấu-nhì: NGUYỄN - TH. - H. H.
Phái: (Nam hay nữ) N
Sanh: NGUYỄN - TH. - H. H. (Ngày, tháng, năm) 1991.
Tại: (Tên, họ) NGUYỄN - TH. - H. H.
Ch: (Tên, họ) NGUYỄN - TH. - H. H.
Tu: NGUYỄN - TH. - H. H.
Ngh: NGUYỄN - TH. - H. H.
Cư-trú tại: NGUYỄN - TH. - H. H.
M: NGUYỄN - TH. - H. H.
Tu: NGUYỄN - TH. - H. H.
Ngh: NGUYỄN - TH. - H. H.
Cư-trú tại: NGUYỄN - TH. - H. H.
V: NGUYỄN - TH. - H. H.
(Chánh hay thứ) NGUYỄN - TH. - H. H.
Người khai: NGUYỄN - TH. - H. H.
(Tên, họ) NGUYỄN - TH. - H. H.
Tu: NGUYỄN - TH. - H. H.
Ngh: NGUYỄN - TH. - H. H.
Cư-trú tại: NGUYỄN - TH. - H. H.
Ngày khai: NGUYỄN - TH. - H. H.
Người chứng thứ nhất: NGUYỄN - TH. - H. H.
(Tên, họ) NGUYỄN - TH. - H. H.
Tu: NGUYỄN - TH. - H. H.
Ngh: NGUYỄN - TH. - H. H.
Cư-trú tại: NGUYỄN - TH. - H. H.
Người chứng thứ nhì: NGUYỄN - TH. - H. H.
(Tên, họ) NGUYỄN - TH. - H. H.
Tu: NGUYỄN - TH. - H. H.
Ngh: NGUYỄN - TH. - H. H.
Cư-trú tại: NGUYỄN - TH. - H. H.

Lập tại xã NGUYỄN - TH. - H. H. ngày 1-4-1969.

Người khai

Hệ lại,

K. H. H. H. H. H.
Đ. H. H. H. H. H.
(H. H. H. H. H. H. H.)

NGUYỄN - TH. - H. H.
(H. H. H. H. H. H. H.)

CH. H. H. H. H. H.
(H. H. H. H. H. H. H.)
Đ. H. H. H. H. H.

Nhân chứng:
Người chứng thứ nhất,
NGUYỄN - TH. - H. H. (H. H. H. H. H. H. H.)

Người chứng thứ nhì,

NGUYỄN - TH. - H. H. (H. H. H. H. H. H. H.)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Kiến-Hòa

QUẬN Thạnh-Phủ

XÃ An-Thuận

HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm : 1971

Số hiệu: 123

Tên, họ đủ nbi	Lưu-Nguyễn-Toan-Phượng
Phái	Nữ
Sanh ngày	Ngày học mười, tháng mười hai, năm một nghìn chín trăm bảy mươi một.
Nơi sanh	Xã An-Thuận, Thạnh-Phủ, Kiến-Hòa.
Tên họ cha	Lưu-Đoàn-Ng
Nghề nghiệp	Quân-nhôn
Cư sở tại	Thị-trại (Kiến-Hòa)
Tên, họ mẹ	Nguyễn-Thị-Lân
Nghề nghiệp	Nội trợ
Cư ngụ tại	Xã An-Thuận, Thạnh-Phủ, Kiến-Hòa.
Vợ chánh hay vợ thứ	Chánh

SAO Y BỘ CHÁNH

An-Thuận, ngày 10 tháng 01 năm 1972

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

Nguyễn-Văn-Tên

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Kiến-Hòa

QUẬN Thanh-Phủ

XÃ An-Thuận

HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm : 1972

Số hiệu: 128

Tên, họ ấu nhi	Lưu-Nguyễn-Loan-Phượng
Phái	Nữ
Sinh ngày	Ngày hai mươi, tháng mười hai, năm một nghìn chín trăm bảy mươi một.
Nơi sinh	Xã An-Thuận, Thanh-Phủ, Kiến-Hòa.
Tên họ cha	Lưu-Hoàng-Vỹ
Nghề nghiệp	Quân-nhân
Cư sở tại	Trại-Lập (Kiến-Hòa)
Tên, họ mẹ	Nguyễn-Thị-Tiến
Nghề nghiệp	Nội trợ
Cư ngụ tại	Xã An-Thuận, Thanh-Phủ, Kiến-Hòa.
Vợ chánh hay vợ thứ	Chánh

SAO Y BỘ CHÁNH

An-Thuận, ngày 18 tháng 01 năm 1972

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

Trương-Văn-Tây.

NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên của bộ ĐKKK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Nguyễn Thị Loan	Chủ hộ	Nữ	1951	12.00.4.516	Gia đình	10.10.1976		
02	Đào Nguyễn Kim Phụng	con dâu	Nữ	1971			10.10.1976		
03	Đào Nguyễn Thị Phụng	con	Nam	1974			10.10.1976		
04	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	con	Nữ	1982		Gia đình	18.10.1987		(Khai NH)
05	Nguyễn Thị Quỳnh Châu	cháu	Nữ	1978			1.05.1988		Khai
06	Nguyễn Văn Lợi	Cháu	Nam	1987		(-)	18-01-88		
07	Trần Thị Ngọc	Mợ	Nữ	1927		(-)	18-01-88		trời
08	Nguyễn Văn Bắc	con	Nam	1976			10-03-88	11.03.88	trời

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu

NGƯỜI THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

TỈNH BẾN TRE

Số 004866 CV

Họ và tên chủ hộ: NGUYỄN THỊ LÂN

Số nhà: 44/3 Ngõ (hẻm) Cầu Mới

Đường phố, ấp: 30/4

Thị trấn, phường, xã: phường 4

Huyện, thị xã: Cầu Ngang, Bến Tre

Ngày 05 tháng 4 năm 1982

Trưởng công an: *[Signature]*

Tập số: _____

Trang số: _____

NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG MỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKKK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Nguyễn Thị Tần	Chủ hộ	Nữ	1951	12 CMND 515	Giáo viên	10-10-1975		
02	Nguyễn Văn Văn	Con	Nữ	1951			10-10-1975		
03	Phùng Văn Văn	Con	Nam	1950			10-10-1975		
04	Nguyễn Văn Văn	Con	Nữ	1953		Giáo viên	10-10-1975		
05	Nguyễn Thị Huyền	Con	Nữ	1958			10-10-1975		
06	Nguyễn Văn Văn	Con	Nam	1957		(-)	18-01-88		
07	Trần Thị Văn	Con	Nữ	1957		(-)	18-01-88		
08	Nguyễn Văn Văn	Con	Nam	1956			10-03-88	11/03/88	

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu

NGƯỜI THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BIÊN CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

TỈNH BẾN TRE

Số 004556 CV

Họ và tên chủ hộ: NGUYỄN THỊ LÂN

Số nhà: 40/3 Ngõ (hẻm) Cầu Ngang

Đường phố, ấp: 30/4

Thị trấn, phường, xã: phường 4

Huyện, thị xã: Bến Tre

Ngày 05 tháng 4 năm 1977

Trưởng công an 15/10/77

Tập số: _____

Trang số: _____

Question for Expolitical PRISONE in Việt Nam.

I Basic information on application in Việt Nam

1. Full name of expolitical prisoner: Lữ Hoàng Mỹ
 2. Date and place of birth: 10.03.1948, city: An Hòa Trục Giang
Kiến Hòa (phường 2 Chi xã Bến Tre)
 3. Position; Rank before: Lieutenant (1975)
Security officer: 30th Battalion of psywar in 2nd Military
region (Biên Hòa city)
 4. Date, month, year out of camp: Died in the camp of
Đồng Tâm (My Tho city) in 1977.
 5. Date, month, year, arrested: May 1st 1975 in Bentre city
(Kiến Hòa city)
 6. present mailing address: HH/3 Nhóm 1 phường 4 Chi xã Bến Tre
 7. Current address: to NGUYỄN THỊ LÂN, hủi thành Tin Lành
35 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU Chi xã Bến Tre - Việt Nam
 8. Training: 2nd psywar Acedemy in Dalat city (1971)
- ## II LIST FULL NAM, date of birth and place of birth of Expolitical prisoner Relative

NO	FULL NAME	Dob	PLACE of birth	Relation Ship
	NGUYỄN THỊ LÂN	June 18 th 1951	Bentre city	Wife
	Lữ NGUYỄN LOAN PHƯƠNG	DEC 22 nd 1971	"	Daughter
	Lữ NGUYỄN NHẬT PHƯƠNG	Feb 16 th 1974	"	Son

A - Relatives to Accompany with Expolitical prisoner
to be consisled for U.S. Company

NO	FULL NAME	Dob	place of birth	Relation Ship
1	NGUYỄN THỊ LÂN	June 18 th 1951	Bentre city	Wife
2	Lữ NGUYỄN LOAN PHƯƠNG	DEC 22 nd 1971	Bentre city	Daughter

B - Compose family listing (living - dead) of
expolitical prisoner

1. father: Lữ CHANH (LIVING) Birth day: 1925 Bentre city
address: 42 Phan Ngọc Tổng Bentre city

2. Mother: PHAN THỊ THẢO (dead)

3. Brother: Lữ HOÀNG THỎ: 1950 Bentre city; NURSE
address: Galland Malaisia

4. Lữ ANH DŨNG 1953 (dead) EX N.C.O. 18th Divison

1972

5 - LƯU ANH ĐÀO : (1955) address : H2 PHAN NGOC TONG (Bentre city)

6 - LƯU ANH TUẤN : (1957) Bentre city address :

7 - LƯU NGỌC TÚ : born in 1959 Bentre city : address : H2

PHAN NGOC TONG : BENTRE city .

III RELATIVES out side

A - close relatives in the U.S.

LƯU ANH TUẤN : 1957 : address :

B - CLOSE relative in the other country

- Sister : LƯU HOANG THO : Galland 1 Malaysia

- Brother in law : NGUYỄN AN KHUÔNG : (birth year : 1952 Bentre city) address : H9 Wilson st MELBOURN - AUSTRALIA.

- Brother in law : (birth year 1956 ; Bentre city) address : H9 Wilson st MELBOURN AUSTRALIA.

- SON : LƯU NGUYỄN NHẬT PHƯƠNG : (birth year : 1974 Bentre city)

- address : FUYER - FRANCE

IV HAVE you . . .

V COMMENT and Remark

On behalf of my dead husband, I would like to apply for a possibility to be relocated in the U.S.A. With my only daughter. As widow of an ARVN exofficer. I find myself unable to earn my life.

Bentre city Aug. 24th 1990.


Nguyễn Thị Lân

Question for Expolitical PRISONER in Vietnam.

I Basic information on application in Vietnam.

1. Full name of expolitical prisoner: Lưu Hoàng Mỹ
 2. Date and place of birth: 10.03.1948, City: An Hoi Truc Giang
Kiên Hòa (phường 2 thị xã Bến Tre)
 3. Position: Rank before: Lieutenant (1975)
Security officer: 30th Battalion of psywar in 2nd Military
region (Biên Hòa city)
 4. Date, month, year out of camp: Died in the camp of
Đồng Tâm (My Tho city) in 1977
 5. Date, month, year, arrested: May 1st 1975 in Bentre city
(Kiên Hòa city)
 6. Present mailing address: HH/3 Nhóm 1 phường 4 thị xã Bến Tre
 7. Current address: to NGUYỄN THỊ LÂN, hôn thê tin lành
35 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU thị xã Bến Tre - Việt Nam
 8. Training: 2nd psywar Acedemy in Dalat city (1971)
- ## II LIST FULL NAME, date of birth and place of birth of Expolitical prisoner Relative

NO	FULL NAME	Dob	PLACE of birth	Relationship
	NGUYỄN THỊ LÂN	June 18 th 1951	Bentre city	Wife
	LƯU NGUYỄN LOAN PHƯƠNG	DEC 22 nd 1971	"	Daughter
	LƯU NGUYỄN NHƯT PHƯƠNG	Feb 16 th 1974	"	Son

A - Relatives to Accompany with Expolitical prisoner
to be consisled for U.S. Company

NO	FULL NAME	Dob	place of birth	Relationship
1	NGUYỄN THỊ LÂN	June 18 th 1951	Bentre city	Wife
2	LƯU NGUYỄN LOAN PHƯƠNG	DEC 22 nd 1971	Bentre city	Daughter

B - Compose family listing (living - dead) of
expolitical prisoner

1. father: LƯU CHANH (LIVING) Birth day: 1925. Bentre city
address: 42 Phan Ngọc Tông Bentre city
2. Mother: PHAN THỊ THẢO (dead)
3. Brother: LƯU HOÀNG THỎ: 1950. Bentre city; NURSE
address: Galland Malaisia
4. LƯU ANH DŨNG 1953 (dead) Ex N.C.O. 18th Division

1972

5 - LƯU ANH ĐÀO : (1955) address : 42 PHAN NGOC TÔNG (Bentre city)

6 - LƯU ANH TUẤN : (1957) Bentre city address :

7 - LƯU NGỌC TÚ : born in 1959 Bentre city : address : 42

PHAN NGOC TÔNG : BENTRE city .

III RELATIVES out side.

A. close relatives in the U.S.

LƯU ANH TUẤN : 1957 : address :

B - CLOSE Relative in the other country

- Sister : LƯU HOÀNG THỖ : Galland 1 Malaysia

- Brother in law : NGUYỄN AN KHUÔNG : (birth year : 1952 Bentre city) address : 49 Wilson st MELBOURN - AUSTRALIA.

- Brother in law : (birth year 1956 ; Bentre city.) address : 49 Wilson st MELBOURN AUSTRALIA.

- SON : LƯU NGUYỄN NHẬT PHƯỚC : (birth year : 1974 Bentre city)

address : FUYER - FRANCE

IV HAVE you

V COMMENT and Remark

On behalf of my dear husband, I would like to apply for a possibility to be relocated in the U.S.A. With my only daughter. As widow of an ARVN ex-officer. I find myself unable to earn my life.

Bentre city Aug. 24th 1990.


Nguyễn Thị Lân

LỜI LỜI
CỘNG AN TỈNH
Số : 81 CHAI-34

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG AN TỈNH
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG AN TỈNH

Ngày 01 tháng 8 năm 1964.

Chị gái ông tôi chính
cư ngụ ở 10/7 đường Phan Ngọc Tổng
Phước II, thị trấn Bến Tre.

Ngày 1/8/1964 nhận được đơn của ông xin cứu xét cho con là
Lam Xuân Hưng. Chúng tôi xin trả lời ông rõ như sau :

- Theo hồ sơ thư theo gia tố chức phân Cách Mạng có quan hệ
với anh người, bị công an Tỉnh Bến Tre bắt ngày 28/05/1964.
Vậy ông tôi xin trả lời ông và gia đình rõ, yêu cầu của
đại diện đồng của chính quyền Cách Mạng.

T/L. Giám đốc Công an Tỉnh
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG AN TỈNH

NGUYỄN VĂN PHONG

Kính gửi
Cán bộ An ninh địa phương
Số : 61 CMH-20

CHỦ TỊCH HUYỆN ỦY ANH XA VIỆT NAM.
Huyện ủy An Xa, huyện Phước.
Số :

Chị em, ngày 01 tháng 8 năm 1964.

Chị em : Ông Lưu Văn
Cư ngụ số : 40/7 đường Phan Ngọc Đồng
Phường III, thị xã Bến Tre.

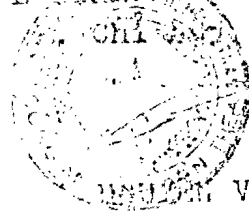
Ngày 1/8/1964 nhận được đơn của Ông xin cứu cấp cho con là
Lưu Hoàng Anh. Chúng tôi xin trả lời cho Ông rõ như sau :

- Lưu Hoàng Anh tham gia tổ chức phản Cách Mạng có quan hệ
với nước ngoài, bị Công an Tỉnh Bến Tre bắt ngày 24/05/1964.

Vậy chúng tôi xin trả lời cho Ông và gia đình rõ, yên tâm chờ
đợi sự thông đồng của chính quyền Cách Mạng.

V/L Lưu Văn Công an tỉnh.

CHỈ HUY TRƯỞNG AN



PHẠM VĂN PHONG

NGUYỄN PHÚ LỘC

12/56 Derby St.

Kensington - Vic 3031
AUSTRALIA.

FROM: NGUYỄN THỊ LÂN
Hội thanh TÍN LÂN
Số 35 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
Quận Xóm Bến Tre
VIỆT NAM

TO: KHUÊ MINH THỦY
P.O. BOX 5435 Arlington
VA. 22205-0635
U.S.A.

FOR AIR MAIL